

Số: **1131** /QĐ-UBND

Bắc Kạn, ngày **04** tháng 8 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Đề án về chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã thuê đất thực hiện các dự án phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, trồng cây dược liệu trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương, ngày 19/6/2015;

Căn cứ Kết luận số 07-KL/TU ngày 07/4/2017 của Tỉnh ủy Bắc Kạn kết luận hội nghị Ban Chấp hành đảng bộ tỉnh lần thứ bảy (khóa XI);

Căn cứ Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND ngày 11/4/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc ban hành Quy định chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất hàng hóa tỉnh Bắc Kạn, giai đoạn 2017-2020;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 197/TTr-STNMT ngày 28/7/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này “Đề án về chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã thuê đất thực hiện các dự án phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, trồng cây dược liệu trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn” (Có Đề án kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Các sở, ngành, địa phương có liên quan căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ, có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Đề án này.

2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm theo dõi, tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh về tình hình thực hiện Đề án; chủ động tham mưu, đề xuất các biện pháp để thực hiện có hiệu quả các nội dung của đề án.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

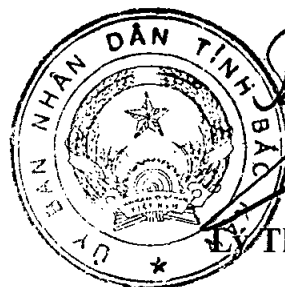
Các ông (bà): Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành: Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ngân hàng nhà nước, Kho bạc Nhà nước tỉnh; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch Liên minh các Hợp tác xã tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh Bắc Kạn; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

Gửi bản giấy:

- Như Điều 3 (t.h);
- TT: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (b/c);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức hội, đoàn thể của tỉnh (phối hợp);
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu VT, KT, TH, PC, CN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Thái Hải

ĐỀ ÁN

**VỀ CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ CÁC DOANH NGHIỆP, HỢP TÁC XÃ THUÊ ĐẤT
THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT NÔNG, LÂM NGHIỆP,
TRỒNG CÂY DƯỢC LIỆU TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC KẠN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1131 /QĐ-UBND ngày 04 tháng 8 năm 2017
của UBND tỉnh Bắc Kạn)*

SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Sự cần thiết xây dựng Đề án

Trong những năm qua, công tác giao đất, cho thuê đất đối với doanh nghiệp, hợp tác xã để thực hiện các dự án phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, trồng cây dược liệu trên địa bàn tỉnh đã được các cấp, các ngành quan tâm chỉ đạo, tổ chức thực hiện và đạt được một số kết quả nhất định, góp phần tích cực vào công cuộc phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Tuy nhiên, số lượng doanh nghiệp, hợp tác xã thuê đất đầu tư mở rộng phát triển sản xuất nông nghiệp (trồng rau, củ, quả), lâm nghiệp, chăn nuôi, trồng cây dược liệu còn ít, manh mún, nhỏ lẻ, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển của thị trường, chưa trở thành hàng hóa theo chuỗi giá trị sản phẩm và chưa phát huy được tiềm năng, lợi thế của địa phương.

Để khai thác có hiệu quả tiềm năng đất đai, đồng thời nhằm thu hút, khuyến khích các doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư vào lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, trồng cây dược liệu theo chuỗi giá trị sản phẩm hàng hóa, tạo ra sản phẩm có thương hiệu, chất lượng cao, tăng sức cạnh tranh trên thị trường, việc xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã thuê đất thực hiện các dự án phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, chăn nuôi, trồng cây dược liệu trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn để hình thành các khu, vùng sản xuất tập trung để thu hút đầu tư rất cần thiết.

2. Về cơ sở xây dựng Đề án

- Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án tái cơ cấu ngành Nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững;

- Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 26/4/2016 của Hội nghị Ban Chấp hành tỉnh Đảng bộ tỉnh lần thứ ba (khóa XI) về phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, tạo ra sản phẩm có thương hiệu, sức cạnh tranh trên thị trường giai đoạn 2016 - 2020.

- Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 26/4/2016 của Hội nghị Ban Chấp hành tỉnh Đảng bộ tỉnh lần thứ ba (khóa XI) về xây dựng hợp tác xã kiểu mới trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016 - 2020.

- Thông báo số 08/TB-VPCP ngày 06/01/2017 của Văn phòng Chính phủ Thông báo kết luận của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc tại Hội nghị xây dựng nền công nghiệp nông nghiệp Việt Nam;

- Thông báo số 77/TB-VPCP ngày 15/02/2017 của Văn phòng Chính phủ Thông báo ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc khi thăm một số mô hình sản xuất nông nghiệp và dự lễ khởi động sản xuất nông nghiệp công nghệ cao tại tỉnh Hà Nam;

- Kết luận của Hội nghị Ban Chấp hành đảng bộ tỉnh lần thứ bảy (khóa XI) tại Văn bản số 07- KL/TU ngày 07/4/2017 của Tỉnh ủy Bắc Kạn;

- Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND ngày 11/4/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc ban hành Quy định chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất hàng hóa tỉnh Bắc Kạn, giai đoạn 2017 - 2020.

Phần thứ nhất

THỰC TRẠNG SẢN XUẤT, PHÁT TRIỂN NÔNG, LÂM NGHIỆP TỈNH BẮC KẠN VÀ MỤC TIÊU, HÌNH THỨC TẬP TRUNG, TÍCH TỤ ĐẤT ĐAI

I. THỰC TRẠNG SẢN XUẤT, PHÁT TRIỂN NÔNG, LÂM NGHIỆP TỈNH BẮC KẠN

1. Tình hình sản xuất và phát triển nông, lâm nghiệp.

Sau 05 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn lần thứ X, tốc độ tăng trưởng sản xuất nông nghiệp bình quân giai đoạn 2011-2015 đạt 10,5%/năm, vượt 2,5% mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn lần thứ X đề ra. Đặc biệt, năm 2015 tổng giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm trên 38% cơ cấu tổng sản phẩm trong tỉnh và theo giá so sánh năm 2010 đạt 3.112 tỷ đồng, trong đó lĩnh vực trồng trọt chiếm 54%; chăn nuôi chiếm 22%; lâm nghiệp chiếm 22,5%; thủy sản chiếm 1,2%. Diện tích cánh đồng đạt giá trị 70 triệu đồng/ha đến năm 2015 là 3.300 ha đạt 110% so với mục tiêu Nghị quyết. Trong đó, một số diện tích sản xuất đã sử dụng công thức luân canh như: Thuốc lá - lúa mùa đạt thu nhập từ 85-110 triệu đồng/ha; lúa - lúa - rau, màu, cây vụ đông đạt thu nhập từ 100-180 triệu đồng/ha; cây mía đạt thu nhập từ 120-150 triệu đồng/ha,...

Tại địa phương, bước đầu đã hình thành và phát triển một số vùng sản xuất cây trồng có giá trị kinh tế cao như: Vùng trồng cây cam, quýt phát triển tập trung trên địa bàn các huyện: Bạch Thông, Ba Bể, Chợ Đồn và Chợ Mới. Tổng diện tích trồng cam quýt trên địa bàn tỉnh trên 2.400ha, năng suất trung bình 83,6 tạ/ha, sản lượng 10.880 tấn; vùng trồng cây hồng không hạt phát triển tập trung trên địa bàn các huyện: Ba Bể, Chợ Đồn và Ngân Sơn, tổng diện tích hồng không hạt trên địa bàn tỉnh trên 800ha, năng suất trung bình 48 tạ/ha, sản lượng 1.200 tấn; vùng trồng cây thuốc lá chủ yếu tập trung tại các huyện: Ngân Sơn, Bạch Thông và Chợ Mới, giai đoạn 2011-2015 diện tích gieo trồng thuốc lá bình quân trên 1.100ha, năng suất trên 18 tạ/ha. Đàn đại gia súc đến hết năm 2015 đạt 184.464 con (cả

xuất bán và giết mổ), đạt 123% kế hoạch; đàn lợn ổn định 221.000 con đạt 105% kế hoạch; đàn gia cầm ổn định 2.027.000 con, đạt 135% so với kế hoạch; diện tích nuôi trồng thủy sản 1.220ha, đạt 107% so với kế hoạch. Về kết quả thực hiện trồng rừng từ năm 2011-2016 toàn tỉnh đạt 61.635 ha (trung bình mỗi năm trồng được 10.272 ha).

Bên cạnh những kết quả đạt được, sản xuất nông lâm nghiệp của tỉnh còn bộc lộ một số hạn chế như: Lao động nông nghiệp nông thôn luôn mang tính mùa vụ, chủ yếu dựa vào kinh nghiệm sản xuất được tích lũy; do phong tục tập quán và hạn chế trình độ nên lao động trong lĩnh vực nông nghiệp ít được tiếp cận với tiến bộ khoa học kỹ thuật; việc sản xuất nông nghiệp được phân theo các mùa vụ khác nhau, ngoài các mùa vụ thì việc sản xuất nông nghiệp luôn bị ngưng trệ do ảnh hưởng của thời tiết. Hiện tại có trên 90% đất sản xuất nông nghiệp do các hộ gia đình đang quản lý và sử dụng, nhưng do điều kiện địa hình là miền núi, nên diện tích canh tác của các hộ dân manh mún, không tập trung; mặt khác một bộ phận người dân không sản xuất hoặc sản xuất hiệu quả thấp nhưng vẫn có tư tưởng giữ ruộng, giữ đất vì có nhận thức coi đất là tài sản bảo đảm từ đời trước đến đời sau. Việc đầu tư trồng rừng chủ yếu là quy mô hộ trên cơ sở diện tích đất lâm nghiệp được giao, chưa có sự liên kết hình thành vùng sản xuất tập trung; nhiều dự án đầu tư phát triển lâm nghiệp đã được cấp giấy chứng nhận đầu tư nhưng không có mặt bằng để thực hiện do vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng và không được người dân ủng hộ.

Do vậy, việc đầu tư ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, đầu tư máy móc, thiết bị để sản xuất phát triển tập trung, theo cánh đồng mẫu lớn, giảm bớt chi phí sản xuất gặp nhiều khó khăn.

2. Thực trạng đất đai sản xuất nông, lâm nghiệp

Theo số liệu thống kê đất đai năm 2016 tổng diện tích đất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản của tỉnh là 459.590,82ha, chiếm 94,57% diện tích đất tự nhiên toàn tỉnh, trong đó:

- Diện tích đất sản xuất nông nghiệp là 44.170,17ha, chiếm 0,09% diện tích tự nhiên toàn tỉnh, gồm: Đất trồng lúa 19.687,31ha; đất trồng cây hàng năm khác (đất trồng rau màu, ngô, khoai, đậu, lạc...) 16.290,37ha; đất trồng cây lâu năm (đất trồng cây ăn quả, trồng cây lâu năm...) 8.192,13 ha.

- Diện tích đất lâm nghiệp là 413.512,8ha, chiếm 85,1% diện tích tự nhiên toàn tỉnh, bao gồm: Đất rừng đặc dụng 27.140,12ha; đất rừng phòng hộ 90.744,51 ha; đất rừng sản xuất 295.628,17ha.

- Diện tích đất nuôi trồng thủy sản (đất ao, hồ, mặt nước..) là 1.628,75ha;

- Diện tích đất nông nghiệp khác (đất vườn ươm, chuồng trại chăn nuôi, nhà kho chứa nông sản..) là 279,1ha.

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn việc thực hiện tập trung, tích tụ đất đai để thực hiện các dự án phát triển sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp chỉ thực hiện theo phương thức nhà nước thu hồi đất và giao đất, cho thuê. Tổng diện tích đất nông nghiệp, lâm nghiệp đã tập trung, tích tụ đất đai trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn là 17.920,7 ha, trong đó: Dự án trồng rừng và quản lý bảo vệ rừng là 17.885,6ha

(Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Bắc Kạn 14.737,1ha; Công ty Cổ phần SAHABAK 2.033,0ha; Công ty Cổ phần thương mại và đầu tư Đa Phương 1.076,0ha, Công ty TNHH Phúc Lộc 39,4ha); dự án sản xuất nông nghiệp 26,9ha (Công ty TNHH chè Peloyen 16,7ha; Hợp tác xã Đại Thành 10,2ha); Dự án chăn nuôi 8,2ha (Công ty TNHH Nam Huế 5,6ha; Công ty Cổ phần sản xuất vật liệu xây dựng Bắc Kạn 2,6ha).

II. MỤC TIÊU, HÌNH THỨC TẬP TRUNG, TÍCH TỤ ĐẤT ĐAI

1. Mục tiêu tập trung, tích tụ đất đai

1.1. Mục tiêu chung:

Thực hiện tập trung, tích tụ đất đai để thu hút các doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, trồng cây dược liệu theo chuỗi giá trị sản phẩm; là hạt nhân để khuyến khích các hộ nông dân tham gia sản xuất, nhân rộng các mô hình Hợp tác xã kiểu mới, liên kết hộ gia đình hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, nâng cao hiệu quả sản xuất hàng hóa gắn với xây dựng nông thôn mới, góp phần thực hiện thành công Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 26/4/2016 của Hội nghị Ban Chấp hành tỉnh Đảng bộ lần thứ ba (khóa XI) về phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, tạo ra sản phẩm có thương hiệu, sức cạnh tranh trên thị trường giai đoạn 2016 - 2020; Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 26/4/2016 của Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh lần thứ ba (khóa XI) về xây dựng hợp tác xã kiểu mới trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2020 và Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND ngày 11/4/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Quy định chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất hàng hóa tỉnh Bắc Kạn, giai đoạn 2017-2020.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

Trong giai đoạn 2017-2019 triển khai tổ chức thực hiện thí điểm tập trung, tích tụ đất đai để xây dựng một số mô hình điểm phát triển sản xuất nông nghiệp (trồng rau, củ quả), lâm nghiệp, chăn nuôi và trồng cây dược liệu, cụ thể:

- a) Thực hiện tập trung, tích tụ đất đai để xây dựng mô hình chăn nuôi;
- b) Thực hiện tập trung, tích tụ đất đai để xây dựng mô hình phát triển trồng cây dược liệu;
- c) Thực hiện tập trung, tích tụ đất đai để xây dựng mô hình sản xuất nông nghiệp sạch (trồng rau, củ, quả);
- d) Thực hiện tập trung, tích tụ đất đai để xây dựng mô hình phát triển lâm nghiệp;

Năm 2019, tổ chức tổng kết, đánh giá thực tiễn kết quả thực hiện các mô hình tập trung, tích tụ đất đai và tiến hành xây dựng kế hoạch triển khai giai đoạn 2020-2030.

2. Hình thức tập trung, tích tụ đất đai

Căn cứ quy hoạch phát triển cây trồng chính trong sản xuất nông nghiệp tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2008-2015, định hướng đến năm 2020; quy hoạch phát triển sản xuất rau an toàn tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2011-2015, định hướng đến năm 2020; quy hoạch phát triển chăn nuôi tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2011- 2015, định hướng đến năm

2020 và các quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trên cơ sở nhu cầu sử dụng đất của dự án đầu tư, UBND tỉnh giao cho UBND cấp huyện, UBND cấp xã nơi có đất thực hiện dự án tổ chức triển khai thực hiện việc tập trung, tích tụ đất đai theo hình thức: UBND cấp huyện, UBND cấp xã đứng ra thuê quyền sử dụng đất của các chủ sử dụng đất trong phạm vi thiết kế, quy hoạch của dự án (Nhà nước không thực hiện thu hồi đất, bồi thường giải phóng mặt bằng; các chủ sử dụng đất có đất cho thuê vẫn giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), sau đó UBND tỉnh cho doanh nghiệp, hợp tác xã thuê lại quyền sử dụng đất đúng bằng mức giá mà UBND cấp huyện, cấp xã đã ký hợp đồng thuê đất của các chủ sử dụng đất.

Đơn giá xác định để tính tiền thuê quyền sử dụng đất: $\text{Giá thuê đất} = \text{Tổng sản lượng bình quân/năm/đơn vị diện tích của từng loại đất cho thuê (x) nhân với Đơn giá nông sản xác định theo báo giá của Sở Tài chính tại thời điểm thuê đất (-) trừ Chi phí hợp lý.}$

3. Đối tượng, điều kiện được áp dụng hình thức tập trung, tích tụ đất đai để thực hiện dự án

3.1. Đối tượng áp dụng: Doanh nghiệp, hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực chăn nuôi, sản xuất nông, lâm nghiệp, trồng cây dược liệu được thành lập theo quy định của pháp luật.

3.2. Điều kiện áp dụng:

a) Doanh nghiệp, hợp tác xã có dự án đầu tư sản xuất phát triển nông, lâm nghiệp, trồng cây dược liệu được cấp thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, cấp giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật; phương án sản xuất phù hợp với mục đích sử dụng đất.

b) Diện tích thuê đất thực hiện dự án:

- Đối với dự án phát triển sản xuất nông nghiệp (rau, củ, quả...) có quy mô diện tích từ 02ha trở lên (trường hợp sử dụng đất để đầu tư sản xuất ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, công nghệ cao trong nhà kính, nhà lưới có quy mô diện tích từ 01ha trở lên).

- Đối với dự án phát triển trồng cây dược liệu, có quy mô diện tích từ 05ha trở lên;

- Đối với dự án phát triển chăn nuôi, có quy mô diện tích từ 03ha trở lên;

- Đối với dự án phát triển lâm nghiệp, có quy mô diện tích từ 20ha trở lên;

c) Thời gian thuê đất: Liên tục ít nhất 20 năm.

4. Cơ chế, chính sách hỗ trợ cho doanh nghiệp, hợp tác xã

4.1. UBND tỉnh ứng trước ngân sách nhà nước để chi trả tiền thuê quyền sử dụng đất cho các chủ sử dụng đất cho cả thời gian doanh nghiệp, hợp tác xã thuê đất. Doanh nghiệp, hợp tác xã có trách nhiệm hoàn trả tiền thuê đất cho UBND tỉnh đã ứng trước thành 02 lần: Lần đầu trả 50% tiền thuê đất vào thời gian sau khi được giao đất, lần thứ hai vào thời gian giữa chu kỳ thuê đất theo hợp đồng đã ký kết.

4.2. Trường hợp trong phạm vi thực hiện tập trung, tích tụ đất đai có diện tích đất phải thu hồi của các hộ dân mà doanh nghiệp, hợp tác xã chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của Luật Đất đai năm 2013 thì Nhà nước miễn tiền thuê đất trong toàn bộ thời gian thuê đối với diện tích đó.

4.3. Doanh nghiệp, hợp tác xã có dự án được thuê đất theo hình thức tập trung, tích tụ đất đai trên không được hưởng thêm ưu đãi, hỗ trợ về đất đai (miễn, giảm tiền thuê đất, hỗ trợ thuê đất) theo các quy định của pháp luật.

4.4. UBND tỉnh đảm bảo toàn bộ kinh phí để đo đạc xác định phạm vi, ranh giới, diện tích, loại đất của từng chủ sử dụng đất và lập hồ sơ quản lý đất đai đối với khu đất thực hiện dự án; bố trí kinh phí tổ chức thực hiện việc bàn giao lại đất cho các chủ sử dụng đất khi hết thời gian thuê đất.

5. Các mối quan hệ và trách nhiệm cơ bản giữa người cho thuê đất, UBND cấp huyện, cấp xã, UBND tỉnh và doanh nghiệp, hợp tác xã thuê lại quyền sử dụng đất

5.1. Quyền và trách nhiệm của người cho thuê đất (hộ gia đình, cá nhân)

a) Có trách nhiệm giao đất (mặt bằng sạch) sau khi có thông báo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và nhận được toàn bộ tiền thuê đất;

b) Được ưu tiên tuyển dụng vào làm việc cho doanh nghiệp, hợp tác xã thuê đất nếu đáp ứng điều kiện về lao động của doanh nghiệp, hợp tác xã.

c) Trường hợp trong thời gian chưa bàn giao đất cho UBND cấp huyện, cấp xã thì người cho thuê đất vẫn được tiếp tục sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp theo mục đích được giao.

d) Trong thời gian thực hiện hợp đồng thuê đất người cho thuê vẫn giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và có quyền tặng, cho, thừa kế quyền sử dụng đất. Khi thực hiện các thủ tục về tặng, cho, thừa kế quyền sử dụng đất phải thông báo cho UBND cấp huyện, cấp xã; người được nhận tặng, cho, thừa kế quyền sử dụng đất vẫn phải tiếp tục thực hiện việc cho thuê đất theo hợp đồng đã ký kết.

đ) Có quyền yêu cầu UBND cấp huyện, cấp xã trả đủ tiền thuê đất theo đúng thời hạn của hợp đồng; yêu cầu trả lại đất khi thời hạn cho thuê đất đã hết, nếu hai bên không có thỏa thuận tiếp tục thuê đất.

e) Người cho thuê đất sau khi đã cho UBND cấp huyện, cấp xã thuê quyền sử dụng đất thì không được thực hiện các quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, thế chấp, góp vốn quyền sử dụng đất.

5.2. Quyền và trách nhiệm của UBND cấp huyện, cấp xã

a) Thông báo cho người cho thuê đất biết thời gian bàn giao đất trước 30 ngày;

b) Lập biên bản nhận bàn giao đất với từng người cho thuê đất, sau khi đã trả tiền thuê đất;

c) Chuyển trả đủ số tiền thuê đất theo hợp đồng cho người cho thuê đất theo đúng hợp đồng đã thỏa thuận;

d) Bàn giao quyền sử dụng đất đã thuê cho UBND tỉnh (Sở Tài nguyên và Môi trường) để cho doanh nghiệp, hợp tác xã thuê lại để thực hiện dự án;

d) Khi hết thời hạn thuê đất, UBND cấp huyện, UBND cấp xã nơi có đất phải yêu cầu doanh nghiệp, hợp tác xã thuê lại quyền sử dụng đất phải hoàn trả toàn bộ mặt bằng để bàn giao cho người cho thuê đất theo quy hoạch sử dụng đất;

e) Giải quyết các vướng mắc liên quan đến quyền sử dụng đất;

f) Yêu cầu doanh nghiệp, hợp tác xã thuê lại quyền sử dụng đất:

- Sử dụng đất thuê phải phù hợp với quy hoạch và mục đích sử dụng đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Tổ chức sản xuất theo đúng dự án đã được UBND tỉnh chấp thuận;

- Không được cho doanh nghiệp, hợp tác xã khác thuê lại đất khi chưa có ý kiến chấp thuận của UBND tỉnh;

- Tuân theo các quy định về bảo vệ môi trường; không được làm tổn hại đến quyền, lợi ích của người sử dụng đất xung quanh;

g) Yêu cầu người cho thuê đất giao mặt bằng sạch theo đúng thỏa thuận;

h) Chỉ đạo các cơ quan chức năng thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở doanh nghiệp, hợp tác xã trong quá trình thực hiện dự án và trong tuyển dụng lao động làm việc phải ưu tiên các lao động có quyền sử dụng đất cho thuê và lao động tại địa phương.

5.3. Quyền và trách nhiệm của UBND tỉnh (bên cho thuê lại quyền sử dụng đất) trong việc cho doanh nghiệp, hợp tác xã (bên thuê lại đất) thuê lại quyền sử dụng đất đã thuê

a) Tổ chức bàn giao đất đai cho doanh nghiệp, hợp tác xã đúng vị trí, diện tích; đúng hiện trạng loại đất theo hợp đồng đã ký kết với các hộ gia đình, cá nhân;

b) Bảo đảm cho doanh nghiệp, hợp tác xã được sử dụng đất ổn định trong suốt thời hạn thuê. Không được chuyển giao quyền sử dụng khu đất cho bên thứ ba. Trong trường hợp có khiếu nại, tố cáo của bất kỳ bên thứ ba nào liên quan đến việc sử dụng khu đất mà không phải do lỗi của doanh nghiệp, hợp tác xã thì UBND tỉnh chịu trách nhiệm giải quyết với bên thứ ba đó để đảm bảo doanh nghiệp, hợp tác xã (bên thuê lại đất) được sử dụng ổn định trong thời gian thuê và không phải chịu bất kỳ chi phí nào liên quan đến việc giải quyết các khiếu nại, tố cáo của bất kỳ bên thứ ba nào.

c) Xem xét, phê duyệt mặt bằng hạng mục các công trình phục vụ sản xuất khi doanh nghiệp, hợp tác xã đề nghị;

d) Trường hợp Nhà nước có thay đổi về chính sách đất đai, chủ trương tích tụ đất đai, dồn điền đổi thửa có ảnh hưởng đến việc thuê đất, các bên sẽ cùng nhau thỏa thuận để sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thuê đất cho phù hợp với chính sách và quy định pháp luật mới;

đ) Yêu cầu doanh nghiệp, hợp tác xã thuê lại quyền sử dụng đất trả đủ tiền thuê đất theo hợp đồng đã ký kết, nếu doanh nghiệp, hợp tác xã chậm thanh toán quá 90 ngày mà không có lý do chính đáng thì UBND tỉnh được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng;

e) Yêu cầu doanh nghiệp, hợp tác xã chấm dứt ngay việc sử dụng đất không đúng mục đích, hủy hoại đất, xây dựng không đúng tổng mặt bằng quy hoạch được duyệt; nếu doanh nghiệp, hợp tác xã không chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả (nếu có), thì UBND tỉnh có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng và yêu cầu doanh nghiệp, hợp tác xã phải hoàn trả đất, bồi thường thiệt hại.

f) Yêu cầu doanh nghiệp, hợp tác xã trả lại đất khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; thực hiện các dự án do Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư; doanh nghiệp, hợp tác xã được bồi thường, hỗ trợ theo quy định hiện hành của nhà nước;

g) Yêu cầu doanh nghiệp, hợp tác xã trả lại đất đúng diện tích, loại đất khi thời hạn cho thuê đã hết, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

5.4. Quyền và trách nhiệm của doanh nghiệp, hợp tác xã thuê lại quyền sử dụng đất

a) Sử dụng đất đúng mục đích theo dự án đã được UBND tỉnh chấp thuận, quyết định chủ trương đầu tư; đúng phạm vi, ranh giới, diện tích và thời hạn thuê;

b) Xây dựng các công trình theo đúng quy hoạch tổng mặt bằng đã được phê duyệt;

c) Trả đủ tiền thuê lại quyền sử dụng đất theo đúng hợp đồng đã ký kết;

d) Tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư, Luật Bảo vệ môi trường; không được làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích của người sử dụng đất xung quanh;

đ) Không được cho người khác thuê lại quyền sử dụng đất đã thuê;

e) Trả lại đất đúng tình trạng mặt bằng như khi nhận đất, khi hết thời hạn thuê theo hợp đồng đã ký, trừ trường hợp có thỏa thuận khác được hai bên thống nhất. Trường hợp nếu bên doanh nghiệp, hợp tác xã không thực hiện hoàn trả mặt bằng như khi nhận đất thì doanh nghiệp, hợp tác xã phải chịu mức phạt với số tiền bằng 02 lần số tiền chi phí thực hiện hoàn trả mặt bằng cho UBND tỉnh (chi phí hoàn trả mặt bằng do UBND tỉnh phê duyệt tại thời điểm hoàn trả mặt bằng theo quy định của pháp luật);

f) Thông báo công khai điều kiện tiêu chuẩn lao động làm việc tại dự án trên các phương tiện thông tin đại chúng và Văn phòng đại diện của doanh nghiệp, hợp tác xã tại địa phương. Ưu tiên tuyển dụng, đào tạo nghề cho lao động địa phương phù hợp với tiêu chuẩn về lao động của doanh nghiệp, hợp tác xã, ký hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật.

g) Yêu cầu UBND tỉnh bàn giao mặt bằng theo đúng diện tích và vị trí;

h) Được đơn phương chấm dứt hợp đồng nếu UBND tỉnh vi phạm nghĩa vụ của mình khiến quyền sử dụng đất thuê để thực hiện dự án của doanh nghiệp, hợp tác xã bị gián đoạn;

i) Được quyền sử dụng đất ổn định, đúng mục đích theo thời hạn thuê trong hợp đồng đã ký kết;

k) Được hưởng toàn bộ thành quả thu được từ việc đầu tư dự án tại khu đất thuê;

l) Trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã bị thay đổi do việc chia tách sáp nhập, hợp nhất, đổi tên, thay đổi loại hình doanh nghiệp, hợp tác xã theo quy định của pháp luật thì pháp nhân mới được kế thừa các quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp, hợp tác xã được quy định trong hợp đồng đã ký trong thời gian còn lại của hợp đồng và phải thông báo kịp thời bằng văn bản cho UBND tỉnh biết.

m) Trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã chậm trả tiền thuê quyền sử dụng đất quá 10 ngày theo hợp đồng đã ký thì phải trả lãi đối với khoản tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán. Thời gian chậm trả tối đa không quá 90 ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán, nếu doanh nghiệp, hợp tác xã chậm trả tiền thuê đất quá 90 ngày thì UBND tỉnh có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng.

n) Thực hiện ký quỹ đảm bảo thực hiện hợp đồng thuê lại quyền sử dụng đất với UBND tỉnh thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường; số tiền ký quỹ tối thiểu bằng 10% tính trên tổng giá trị tiền thuê lại quyền sử dụng đất.

Trường hợp UBND cấp huyện, cấp xã đã hoàn thành tập trung, tích tụ đất đai và ký hợp đồng thuê quyền sử dụng đất với các chủ sử dụng đất trong phạm vi thực hiện dự án mà doanh nghiệp, hợp tác xã đơn phương chấm dứt không ký hợp đồng thuê lại quyền sử dụng đất với UBND tỉnh thì doanh nghiệp, hợp tác xã sẽ không được hoàn trả toàn bộ số tiền ký quỹ đảm bảo thực hiện hợp đồng thuê lại quyền sử dụng đất đã gửi vào tài khoản tạm giữ của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Kho bạc nhà nước tỉnh Bắc Kạn, số tiền này sẽ được đưa vào ngân sách nhà nước.

o) Trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã đơn phương chấm dứt hợp đồng trước thời hạn (trừ trường hợp quy định tại điểm h, mục 5.4) thì sẽ không được hoàn trả toàn bộ số tiền thuê lại quyền sử dụng đất đã thanh toán trước và người cho thuê được hưởng số tiền này; doanh nghiệp, hợp tác xã chịu mức phạt bằng tiền thuê đất cho thời gian thuê còn lại và phải bồi thường toàn bộ thiệt hại khác cho bên cho thuê đất. Trong vòng 30 ngày sau khi doanh nghiệp, hợp tác xã đơn phương chấm dứt hợp đồng thuê đất phải di dời toàn bộ tài sản gắn liền với đất và hoàn trả lại mặt bằng đã thuê để bàn giao cho UBND tỉnh, nếu sau 30 ngày doanh nghiệp, hợp tác xã không thực hiện di dời tài sản gắn liền với đất thì bên cho thuê đất được hưởng toàn bộ tài sản gắn liền với đất mà doanh nghiệp, hợp tác xã đã đầu tư tại khu đất thực hiện dự án.

Phần thứ hai

CÁC GIẢI PHÁP TẬP TRUNG, TÍCH TỤ ĐẤT ĐAI

I. PHƯƠNG PHÁP THỰC HIỆN TẬP TRUNG, TÍCH TỤ ĐẤT ĐAI

1. Tổ chức triển khai tập trung, tích tụ đất đai

1.1. Căn cứ nhu cầu sử dụng đất của dự án, UBND cấp huyện và UBND cấp xã tổ chức họp với các chủ sử dụng đất để thông báo chủ trương thực hiện dự án đầu tư, đồng thời triển khai nội dung, hình thức thực hiện tập trung, tích tụ đất đai. Trên cơ sở nội dung thống nhất về tập trung, tích tụ đất đai, tiến hành đo đạc, thống kê, xác định cụ thể về diện tích, loại đất của từng chủ sử dụng đất trong phạm vi thực hiện dự án; lập hồ sơ quản lý đất đai, xây dựng phương án thuê đất, xác định mức giá thuê đất.

1.2. Tổ chức ký hợp đồng thuê đất với các chủ sử dụng đất; lập biên bản giao, nhận đất cụ thể với từng chủ sử dụng đất.

1.3. Hình thức thanh toán tiền thuê đất với các chủ sử dụng đất, được thỏa thuận, thống nhất theo nhu cầu của chủ sử dụng đất có đất cho thuê (*trả tiền thuê đất theo từng năm hoặc 05 năm, 10 năm, hoặc trả một lần cho toàn bộ thời gian thuê*). Kinh phí trả tiền thuê đất, do ngân sách nhà nước ứng trước.

Trường hợp trong phạm vi thực hiện tích tụ đất đai có đất ở, nhà ở, đất phi nông nghiệp, thì UBND cấp huyện, cấp xã thực hiện thông báo thu hồi đất, tiến hành thống kê, kiểm đếm và thực hiện thủ tục thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, xác định vị trí khu đất bố trí tái định cư cho các hộ gia đình, cá nhân phải di chuyển chỗ ở.

2. Tổ chức bàn giao đất đai để thực hiện dự án đầu tư

2.1. Trên cơ sở kết quả tập trung, tích tụ đất đai do UBND cấp huyện, cấp xã đã thực hiện và hợp đồng thuê đất xong với các chủ sử dụng đất. UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành ký hợp đồng cho thuê lại quyền sử dụng đất với doanh nghiệp, hợp tác xã.

2.2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chủ trì, phối hợp cùng UBND cấp huyện, UBND cấp xã nơi có đất tổ chức quản lý hồ sơ đất đai, bàn giao đất tại thực địa cho doanh nghiệp, hợp tác xã để thực hiện dự án.

2.3. Doanh nghiệp, hợp tác xã được UBND tỉnh cho thuê lại quyền sử dụng đất có trách nhiệm trả tiền thuê quyền sử dụng đất cho UBND tỉnh. UBND tỉnh sẽ hoàn trả toàn bộ tiền ký quỹ đảm bảo thực hiện hợp đồng thuê lại quyền sử dụng đất mà doanh nghiệp, hợp tác xã đã gửi vào tài khoản của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Kho bạc nhà nước tỉnh Bắc Kạn, để khấu trừ vào tiền thuê quyền sử dụng đất.

2.4. Trong trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã có xây dựng các công trình để phục vụ phát triển sản xuất thì vị trí xây dựng đó phải được quy hoạch chi tiết, trong quá trình xây dựng phải có sự giám sát chặt chẽ của chính quyền địa phương nơi có đất và cơ quan chuyên môn có liên quan.

3. Tổ chức giao, nhận đất đai sau khi hết thời gian thuê đất

Sau khi hết thời gian thuê đất, doanh nghiệp, hợp tác xã có trách nhiệm bàn giao lại đất cho UBND tỉnh, đất đai khi trả lại phải đảm bảo về điều kiện sản xuất bằng hoặc tốt hơn trước khi thuê đất. UBND tỉnh chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp cùng UBND cấp huyện, UBND cấp xã nhận bàn giao đất từ doanh nghiệp, hợp tác xã. Trên cơ sở hiện trạng đất đai và hồ sơ quản lý đất đai UBND cấp huyện, cấp xã có trách nhiệm tổ chức xác định cụ thể vị trí, ranh giới của từng thửa đất tại thực địa để bàn giao lại đất cho các chủ sử dụng đất và thanh lý hợp đồng thuê đất; trong trường hợp cần thiết UBND cấp huyện có thể thuê đơn vị tư vấn để thực hiện.

II. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CỤ THỂ

1. Về công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tuyên truyền

1.1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo điều hành của cấp ủy, chính quyền các cấp, huy động các đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội đẩy mạnh công tác tuyên

truyền phổ biến, quán triệt trong toàn hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở và người dân về chủ trương tập trung, tích tụ đất đai phát triển sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, trồng cây dược liệu ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, ứng dụng công nghệ cao, đề từng cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và Nhân dân thay đổi tư duy, nhận thức, cách làm của nông dân; tạo sự đồng thuận trong thực hiện chủ trương tập trung, tích tụ đất đai phát triển sản xuất. Xác định đây là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở.

1.2. Đổi mới xây dựng cơ chế chính sách theo hướng khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư vào lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, trồng cây dược liệu; xây dựng các khu sản xuất ứng dụng công nghệ, tiến bộ khoa học. Đổi mới hình thức hỗ trợ trực tiếp cho các hộ nông dân trước đây sang hình thức hỗ trợ cho mô hình nhằm khuyến khích các doanh nghiệp, hợp tác xã xây dựng mô hình sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi, trồng cây dược liệu ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ cao. Cải cách thủ tục hành chính theo hướng tạo điều kiện thuận lợi để thu hút đầu tư của các doanh nghiệp, hợp tác xã.

1.3. Nhất quán chủ trương tập trung, tích tụ đất đai theo hình thức Nhà nước thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp của các hộ dân và cho doanh nghiệp, hợp tác xã thuê lại để phát triển sản xuất nông nghiệp, trồng cây dược liệu, trong đó Tỉnh có cơ chế ứng tiền ngân sách để tập trung, tích tụ đất, gắn với chuyển đổi cơ cấu lao động trong nông nghiệp, nông thôn. Khuyến khích chuyển đổi đất trồng lúa nước còn lại (đất trồng lúa 1 vụ), đất bằng trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm khác kém hiệu để chuyển sang thực hiện dự án sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi, trồng cây dược liệu.

2. Về quy hoạch phát triển sản xuất

Trên cơ sở quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng nông thôn mới và các quy hoạch khác có liên quan đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tiến hành rà soát, điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch cho phù hợp khi thực hiện tập trung, tích tụ đất đai như:

2.1. Quy hoạch phát triển cây trồng chính trong sản xuất nông nghiệp tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2008-2015 và định hướng đến năm 2020 (phê duyệt tại Quyết định số 3483/QĐ-UBND ngày 11/11/2009 của UBND tỉnh Bắc Kạn);

2.2. Quy hoạch phát triển thủy lợi tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2007-2015 và định hướng đến năm 2020 (phê duyệt tại Quyết định số 1229/QĐ-UBND ngày 15/8/2012 của UBND tỉnh Bắc Kạn);

2.3. Quy hoạch phát triển sản xuất rau an toàn tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến năm 2020 (phê duyệt tại Quyết định số 1239/QĐ-UBND ngày 08/8/2013 của UBND tỉnh Bắc Kạn);

2.4. Quy hoạch phát triển chăn nuôi tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2011- 2015 và định hướng đến năm 2020 (phê duyệt tại Quyết định số 895/QĐ-UBND ngày 13/6/2013 của UBND tỉnh Bắc Kạn);

2.5. Lập quy hoạch phát triển trồng cây dược liệu trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

3. Về huy động nguồn lực đầu tư

Bố trí nguồn kinh phí thực hiện khuyến khích đầu tư phát triển nông, lâm nghiệp, trồng dược liệu để ứng trước tiền thuê đất. Ưu tiên bố trí vốn ngân sách đầu tư hạ tầng về giao thông, thủy lợi, điện, cấp thoát nước tại các vùng quy hoạch định hướng tập trung, tích tụ đất đai để phát triển sản xuất nông nghiệp, trồng cây dược liệu ứng dụng công nghệ cao; thu hút các nguồn lực trong nhân dân, các doanh nghiệp, hợp tác xã để phát triển sản xuất.

4. Về tạo môi trường kinh doanh, đầu tư nhằm thu hút doanh nghiệp, hợp tác xã

4.1. Phát triển các hình thức đầu tư có sự tham gia giữa Nhà nước và doanh nghiệp trong xây dựng cơ sở hạ tầng. Nhà nước hỗ trợ sau đầu tư theo Nghị định 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ và Thông tư 05/2014/TT-BKHĐT ngày 30/9/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn thực hiện Nghị định 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013; Thông tư 30/2015/TT-BTC ngày 09/3/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, thanh toán và quyết toán các khoản hỗ trợ doanh nghiệp theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ.

4.2. Đẩy mạnh công tác xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại thu hút các doanh nghiệp công nghệ cao đầu tư, liên kết, sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

5. Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực lao động

5.1. Đối với những lao động dôi dư sau khi tập trung, tích tụ đất đai, Nhà nước hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề; doanh nghiệp, hợp tác xã ưu tiên tuyển dụng các chủ sử dụng đất có đất cho thuê vào làm công nhân để có cuộc sống tốt hơn.

5.2. Tổ chức đào tạo, tập huấn cho lao động nông thôn trong vùng quy hoạch phù hợp với yêu cầu của nhà đầu tư. Đào tạo nâng cao năng lực, trình độ cho đội ngũ cán bộ quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã đáp ứng yêu cầu quản trị và kỹ thuật phát triển khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

III. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VÀ HIỆU QUẢ KINH TẾ, XÃ HỘI

1. Tác động tích cực và tiêu cực

1.1. Tác động tích cực:

- Đề án được thực hiện sẽ đảm bảo phát triển sản xuất bền vững, nâng cao giá trị sản xuất hàng hóa, cạnh tranh thị trường của các doanh nghiệp, hợp tác xã; tạo thu nhập ổn định, nâng cao đời sống về tinh thần và vật chất của nhân dân.

- Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu nội bộ ngành nông nghiệp theo hướng sản xuất ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, ứng dụng công nghệ cao với năng suất, hiệu quả cao và đảm bảo môi trường.

- Thu hút các doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư vào lĩnh vực phát triển sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi, trồng cây dược liệu theo chuỗi giá trị; cải cách một bước về thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai.

1.2. Tác động tiêu cực:

- Việc đầu tư xây dựng các dự án trên diện tích lớn sẽ làm thay đổi hiện trạng sử dụng đất và môi trường của khu vực này.

- Nếu lao động dồi dư không tìm được việc làm có thể phát sinh hệ quả về mặt xã hội và dự án.

2. Hiệu quả kinh tế, môi trường

- Góp phần thúc đẩy phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp và trồng cây dược liệu của tỉnh; khai thác có hiệu quả tiềm năng, lợi thế, thu hút, khuyến khích các doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư vào lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, trồng cây dược liệu theo chuỗi giá trị sản phẩm hàng hóa, tạo ra sản phẩm có thương hiệu, chất lượng cao, tăng sức cạnh tranh trên thị trường.

- Hình thành các khu, vùng sản xuất nông nghiệp, trồng cây dược liệu chuyên canh, trang trại chăn nuôi tập trung, hiện đại, chủ động được mặt thời gian, kỹ thuật, các loại sản phẩm đa dạng làm tăng giá trị sản xuất trên một đơn vị diện tích;

- Tạo nên bộ mặt nông thôn mới với cơ sở hạ tầng hiện đại, dân trí được nâng cao, đời sống người dân được cải thiện, ổn định về thu nhập;

- Chuyển dịch cơ cấu lao động, tạo thêm ngành nghề mới, nâng suất lao động tăng, tăng thêm thu nhập của người dân.

- Nhân rộng ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp (trồng rau, củ, quả...), chăn nuôi đối với các vùng lân cận, góp phần bảo vệ môi trường, sinh thái, hạn chế những tác động xấu do sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi theo phương pháp truyền thống gây ra (tồn dư hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật trong trồng trọt...).

Phần thứ ba TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường

1.1. Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành và địa phương triển khai thực hiện đề án; tăng cường, kiểm tra, giám sát việc thực hiện, tham mưu UBND tỉnh giải quyết các vướng mắc liên quan đến việc triển khai thực hiện và đề xuất sửa đổi, bổ sung đề án khi cần thiết. Theo dõi, đánh giá tổng kết Đề án cụ thể và đề xuất giải pháp trong giai đoạn sau.

1.2. Phối hợp cùng các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và UBND cấp xã xác định vị trí, địa điểm thực hiện tích tụ đất đai; rà soát tham mưu điều chỉnh, bổ sung quy hoạch sử dụng đất theo quy định. Hướng dẫn UBND cấp huyện, UBND cấp xã triển khai thực hiện thuê quyền sử dụng đất của các hộ dân; hướng dẫn thực hiện thu hồi đất đối với các hạng mục, vị trí phải thu hồi đất để thực hiện dự án.

2. Trách nhiệm Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

2.1. Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành và UBND cấp huyện thực hiện rà soát, điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch vùng sản xuất nông, lâm nghiệp phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương và có định hướng phát triển bền vững trong tương lai, thuận lợi khi thực hiện tập trung, tích tụ đất đai.

2.2. Phối hợp với các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và UBND cấp xã giúp đỡ doanh nghiệp, hợp tác xã tiến hành rà soát, khảo sát, lựa chọn địa điểm thực hiện tích tụ đất đai, lựa chọn các loại cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao, phù hợp với điều kiện của địa phương.

2.3. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường đánh giá, tổng kết thực hiện Đề án cụ thể.

3. Trách nhiệm Sở Tài chính

3.1. Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế tỉnh và UBND cấp huyện, UBND cấp xã xác định giá tính tiền thuê quyền sử dụng đất của các hộ dân theo từng dự án;

3.2. Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan cân đối, đề xuất ứng trước ngân sách để trả tiền thuê quyền sử dụng đất cho các chủ sử dụng đất cho cả thời gian doanh nghiệp, hợp tác xã thuê đất; đồng thời tham mưu bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ liên quan để tập trung, tích tụ đất đai; hướng dẫn thủ tục ứng trước ngân sách và hoàn trả vốn ứng theo quy định.

4. Trách nhiệm Sở Tư pháp

4.1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng mẫu hợp đồng thuê quyền sử dụng đất giữa UBND cấp huyện, cấp xã với hộ gia đình, cá nhân; mẫu hợp đồng cho thuê lại quyền sử dụng đất giữa UBND tỉnh với doanh nghiệp, hợp tác xã;

4.2. Phối hợp cùng các Sở, ngành có liên quan, UBND cấp huyện, cấp xã giải quyết những vấn đề phát sinh, vướng mắc trong quá trình thực hiện hợp đồng thuê đất.

5. Trách nhiệm Sở Thông tin và Truyền thông

Thông tin tuyên truyền về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về đẩy mạnh công nghiệp hóa nông nghiệp; các chủ trương, chính sách của tỉnh về tập trung, tích tụ đất đai để phát triển sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, góp phần làm thay đổi tư duy, nhận thức, cách làm của nông dân; tạo sự đồng thuận trong thực hiện chủ trương tập trung, tích tụ đất đai phát triển sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

6. Trách nhiệm Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Chủ trì phối hợp với các Sở, ngành, địa phương và các nhà đầu tư tổ chức đào tạo nghề, tập huấn cho lao động nông thôn để chuyển dịch lao động sang sản xuất phi nông nghiệp, du nhập nghề mới vào nông thôn.

7. Trách nhiệm Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành tham mưu cho UBND tỉnh ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã đổi mới công nghệ trong sản xuất nông, lâm nghiệp và thực hiện chuyển giao các mô hình ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất nông, lâm nghiệp công nghệ cao. Tập huấn nâng cao trình độ cho đội ngũ công nhân kỹ thuật đáp ứng yêu cầu về phát triển các khu nông nghiệp công nghệ cao.

8. Trách nhiệm của Sở Công Thương

8.1. Chủ trì phối hợp cùng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các địa phương tham mưu đề xuất cơ chế chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia tìm kiếm, mở rộng thị trường tiêu thụ các sản phẩm nông sản; tổ chức xúc

tiên thương mại; xây dựng đề án hỗ trợ kinh phí đầu tư máy móc, thiết bị sản xuất tiên tiến hiện đại; xây dựng bao bì, nhãn mác sản phẩm và quảng bá sản phẩm;

8.2. Tăng cường thông tin về thị trường các mặt hàng nông sản chất lượng cao trong nước và xuất khẩu; chỉ đạo ngành điện xây dựng các Trạm biến áp và đường dây phục vụ các dự án theo đề nghị của doanh nghiệp và hợp tác xã.

9. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

Chủ trì phối hợp với các Sở, ngành, địa phương kiểm tra, giám sát, đánh giá và phê duyệt mặt bằng hạng mục các công trình xây dựng phục vụ sản xuất trong phạm vi khu đất thực hiện dự án, hướng dẫn rà soát, điều chỉnh đề án quy hoạch xây dựng nông thôn mới phù hợp điều kiện thực tế của từng địa phương.

10. Trách nhiệm Liên minh các hợp tác xã

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các địa phương thực hiện có hiệu quả các mô hình phát triển kinh tế hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản; tham mưu các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đối với tổ chức đại diện của nông dân theo quy định tại Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

11. Trách nhiệm Ngân hàng Nhà nước tỉnh Bắc Kạn

Chỉ đạo các tổ chức tín dụng ưu tiên tập trung vốn phục vụ lĩnh vực sản xuất nông, lâm nghiệp, trồng cây dược liệu; đặc biệt là tín dụng phục vụ xây dựng thực hiện các mô hình liên kết ứng dụng công nghệ cao và sản xuất theo chuỗi giá trị sản phẩm.

12. Cục Thuế tỉnh Bắc Kạn

Phối hợp cùng Sở Tài chính, UBND cấp huyện, UBND cấp xã xác định giá tính tiền thuê quyền sử dụng đất của các hộ dân theo từng dự án.

13. Đề nghị Ủy ban Mặt trận tổ quốc và các tổ chức hội, đoàn thể các cấp

Phối hợp cùng các Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố, UBND cấp xã đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, vận động các đoàn viên, hội viên tham gia tích cực và triển khai có hiệu quả Đề án về chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã thuê đất thực hiện các dự án phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, trồng cây dược liệu trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

14. Trách nhiệm UBND cấp huyện, cấp xã

14.1. Trực tiếp triển khai thực hiện việc tập trung, tích tụ đất đai tại địa phương mình; triển khai đến các cấp ủy, chính quyền, nhân dân, huy động các đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội tuyên truyền phổ biến, quán triệt trong toàn hệ thống chính trị, tạo sự đồng thuận trong quá trình thực hiện chủ trương tập trung, tích tụ đất đai.

14.2. Phối hợp cùng các Sở, ngành, các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước; tổ chức rà soát, điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch vùng sản xuất nông, lâm nghiệp, trồng cây dược liệu, quy hoạch nông thôn mới phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương; tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, hợp tác xã tiếp cận đất đai để đầu tư phát triển sản xuất nông, lâm

ng nghiệp theo hướng ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, công nghệ cao; bảo vệ an ninh, trật tự tại địa phương để doanh nghiệp, hợp tác xã an tâm đầu tư lâu dài.

15. Các doanh nghiệp, hợp tác xã

15.1. Thực hiện trình tự thủ tục đầu tư, hồ sơ dự án theo quy định.

15.2. Phối hợp cùng các Sở, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã tổ chức thực hiện tập trung, tích tụ đất đai; có cam kết đảm bảo tiến độ, thời gian thực hiện dự án và bảo vệ môi trường.

15.3. Chịu trách nhiệm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với diện tích phải thu hồi đất để thực hiện dự án.

15.4. Tuyển dụng lao động làm việc phải ưu tiên các lao động có quyền sử dụng đất cho thuê và lao động tại địa phương.

Trong quá trình triển khai thực hiện Đề án này, những khó khăn, vướng mắc, bất cập phát sinh các Sở, ngành, huyện, thành phố và các cơ quan liên quan kịp thời phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, đề xuất UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

